

Bản án số: 03/2018/DS-ST

Ngày: 06/02/2018

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN KHÊ - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kia.

2. Bà Bé Thị Bay.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2017/TLST-DS ngày 06/10/2017 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-DS ngày 04/01/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Dương C, sinh năm 1969 và bà Trần Thị S, sinh năm 1973. Cùng địa chỉ: Thôn A6, xã AT, huyện K, tỉnh Gia Lai. Bà Trần Thị S ủy quyền cho ông Dương C tham gia tố tụng tại Tòa án. Ông C có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Đức S, sinh năm 1977 và bà Phạm Thị Lan H, sinh năm 1976. Cùng địa chỉ: Tổ A10, phường AB, thị xã AK, tỉnh Gia Lai. Ông S vắng mặt, bà H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Dương C trình bày:

Vào khoảng tháng 02/2017, ông Đỗ Đức S nhiều lần có mượn của vợ chồng ông tổng số tiền 106.000.000đ để mua bán mía và hẹn thời gian sau 30 ngày sẽ trả nợ đầy đủ. Sau đó, ông đã nhiều lần nhắc nhở, đòi số tiền trên nhưng vợ chồng ông S, bà H chây ỳ không chịu trả nợ. Đến ngày 25/3/2017, thì vợ chồng ông S, bà H đã viết “Giấy mượn tiền” để làm cam kết trả nợ. Tuy nhiên,

đến nay ông S, bà H vẫn không chịu trả nợ. Vì vậy, vợ chồng ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông S, bà H phải trả số tiền còn nợ là 106.000.000đ (*Một trăm lẻ sáu triệu đồng*). Ngoài ra, ông không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Phạm Thị Lan H trong bản khai ngày 16/10/2017 và tại phiên tòa trình bày: Trước đây bà có nghe giữa chồng bà là ông Đỗ Đức S và vợ chồng ông Dương C có vay mượn tiền của nhau nhưng không biết cụ thể số tiền bao nhiêu. Việc vay mượn này bà toàn hoàn không biết và không liên quan. Sau đó, ông C cùng một số người đến nhà đòi nợ thì bà mới biết ông S có nợ ông C số tiền 106.000.000đ (*Một trăm lẻ sáu triệu đồng*). Ông C và những người đi cùng đã đe dọa nên buộc bà phải ký vào “Giấy mượn tiền”. Nay vợ chồng ông C khởi kiện yêu cầu bà và ông S trả số tiền nợ là 106.000.000đ (*Một trăm lẻ sáu triệu đồng*) thì bà không đồng ý trả, vì đây là khoản vay do ông S tự vay, bà không biết.

Bị đơn ông Đỗ Đức S mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên đã không có ý kiến trình bày về yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Dương C và bà Trần Thị S khởi kiện đối với ông Đỗ Đức S và bà Phạm Thị Lan H; địa chỉ cư trú: Tổ A10, phường AB, thị xã AK, tỉnh Gia Lai, yêu cầu ông S và bà H phải trả số tiền đã vay mượn. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã AK, tỉnh Gia Lai. Bị đơn ông Đỗ Đức S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Đỗ Đức S.

[2]. Về nội dung: Theo yêu cầu khởi kiện của ông Dương C và bà Trần Thị S, cùng với việc cung cấp chứng cứ là “Giấy mượn tiền” đề ngày 25/3/2017, mượn số tiền 106.000.000đ, ký tên Đỗ Đức S và Phạm Thị Lan H. Bà H thừa nhận đã cùng với ông S ký xác nhận có nợ vợ chồng ông C số tiền 106.000.000đ. Bà H cho rằng do ông C đe dọa ép buộc nên bà ký vào “Giấy mượn tiền”, bà không liên quan và không biết gì về số tiền này. Tuy nhiên, không có căn cứ cho rằng ông C đe dọa ép buộc bà H phải ký vào giấy nhận nợ. Bà H không chứng minh được lời khai của mình là có căn cứ nên lời khai của bà H không có cơ sở chấp nhận. Do đó, bà H phải có trách nhiệm cùng với ông S trả nợ cho vợ chồng

ông C. Như vậy, có đủ cơ sở xác định ông Đỗ Đức S và bà Phạm Thị Lan H có ký giấy nhận nợ của ông Dương C và bà Trần Thị S số tiền 106.000.000đ (*Một trăm lẻ sáu triệu đồng*) theo như “Giấy mượn tiền” đề ngày 25/3/2017 là sự thật. Theo giấy mượn tiền các bên không ghi thời hạn trả nợ, không ghi lãi suất cụ thể, nên đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Ông C và bà S đòi nợ nhiều lần nhưng ông S và bà H chưa trả nên ông C và bà S khởi kiện là có căn cứ đúng theo quy định tại các Điều 463, 466 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Đỗ Đức S và bà Phạm Thị Lan H phải trả cho ông Dương C và bà Trần Thị S số tiền gốc còn nợ là 106.000.000đ (*Một trăm lẻ sáu triệu đồng*), nguyên đơn không yêu cầu trả tiền lãi của số nợ trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Như vậy, vợ chồng ông S, bà H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: $106.000.000đ \times 5\% = 5.300.000đ$ (*Năm triệu ba trăm nghìn đồng*). Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 235 và các Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương C và bà Trần Thị S.

- Buộc ông Đỗ Đức S và bà Phạm Thị Lan H phải trả cho ông Dương C và bà Trần Thị S số tiền còn nợ là 106.000.000đ (*Một trăm lẻ sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc ông Đỗ Đức S và bà Phạm Thị Lan H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 5.300.000đ (*Năm triệu ba trăm nghìn đồng*). Ông Dương C và bà Trần Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Dương C và bà Trần Thị S 2.650.000đ (*Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: 0001042 ngày 06/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã AK.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 06/02/2018, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã AK;
- Chi cục THADS TX. AK;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(*Đã ký*)

Đồng Ánh Đông